

Số: 09/NQ-ĐHĐCĐ-2016

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa 11; Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 21/12/2007, sửa đổi bổ sung lần thứ 5 - thông qua ĐHĐCĐ ngày 22/4/2015;
- Biên bản số 09/BB-ĐHĐCĐ-2016 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2016 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 quyết nghị thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, thực hiện đầu tư năm 2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015 điều chỉnh	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	308,490	362,971	118%
2	Doanh số bán hàng	10 ⁹ đ	396,319	411,062	104%
3	Tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	394,747	362,580	92%
4	Các khoản nộp NN	10 ⁹ đ	7,507	12,791	170%
5	Khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	14,706	14,692	99,9%
6	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	5,281	1,087	21%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,47	0,29	19,8%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	8,80	1,81	20,6%
7	Giá trị đầu tư	10 ⁹ đ	-	-	-
8	Tổng quỹ lương	10 ⁹ đ	24,642	27,655	112%
9	Chi phí QLDN	10 ⁹ đ	8,241	9,522	116%
10	Tỷ lệ cổ tức	%	8	0	0

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch SXKD năm 2016	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	10^9 đ	150,457	
2	Doanh số bán hàng	10^9 đ	232,911	
3	Các khoản nộp Nhà nước	10^3 đ	11,456	
4	Khấu hao TSCĐ	10^9 đ	5,584	
5	Tiền về tài khoản	10^9 đ	316,961	
6	Lợi nhuận	10^9 đ	- 9,654	
7	Vốn chủ sở hữu	10^9 đ	130,726	
8	Vốn điều lệ	10^9 đ	64,8	
9	Tổng quỹ lương	10^9 đ	13,849	
10	Chi phí QLDN	10^9 đ	4,619	
11	Tỷ lệ cổ tức	%	0	

2.2. Mục tiêu tiến độ, khối lượng chính tại các công trình, dự án năm 2016

2.2.1 Công trình thủy điện Lai Châu:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công công trình, góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ công trình mà chủ đầu tư yêu cầu.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình khi có định mức đơn giá phê duyệt chính thức của chủ đầu tư.

* Khối lượng chủ yếu:

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại: 30.000 m³.

- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 35.081 m³ đá các loại.

2.2.2 Công trình thủy điện Huội Quảng:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công công trình, góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ công trình mà chủ đầu tư yêu cầu.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình khi có định mức đơn giá phê duyệt chính thức của chủ đầu tư.

* Khối lượng chủ yếu:

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại: 30.000 m³.

- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 38.034 m³ đá các loại.

2.2.3 Mỏ đá Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường, đối tượng khách hàng nhằm tiêu thụ sản phẩm.

- Kiện toàn lại bộ máy quản lý, giám sát điều hành sản xuất tại mỏ đảm bảo hoạt động an toàn và đạt hiệu quả cao hơn.

- Thu hồi triệt để công nợ với các khách hàng, đối tác.

* Khối lượng chủ yếu:

- Khoan nổ khai thác đá học và sản xuất đá dăm các loại: 41.500 m³.

- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 41.500 m³ đá các loại.

2.2.4 Mỏ đá khe Đạm Lét, Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Thu gọn lại mô hình tổ chức sản xuất để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất trực tiếp, chi phí quản lý, đảm bảo sức cạnh tranh đặc biệt là cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm, so với các doanh nghiệp khác trên cùng địa bàn.

- Tìm kiếm khách hàng mới, duy trì các mối khách hàng cũ đã có để tiêu thụ các loại đá sản phẩm còn tồn đọng để tăng thêm doanh thu bán hàng.

- Thu hồi triệt để công nợ với các khách hàng, đối tác.

- Xem xét, đánh giá chính xác tình hình thực tế tại dự án khu kinh tế Vũng Áng, cũng như nhu cầu tiêu thụ và lượng cung hàng hóa đá xây dựng trên địa bàn, để đề xuất kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn và kế hoạch thực hiện tiếp theo tại mỏ.

* Khối lượng thực hiện chủ yếu:

- Khai thác đá hộc, sản xuất và cung cấp dăm cát các loại: 18.500 m³.

- Xuất bán hàng tồn kho khoảng: 36.610 m³ cát đá các loại.

2.2.5 Sản xuất và cung cấp vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường bán hàng, mở rộng đối tượng khách hàng.

- Đảm bảo hoạt động sản xuất vữa và cung cấp vữa bê tông liên tục, đáp ứng nhu cầu các đơn vị đối tác trên địa bàn Hà Nội và vùng phụ cận.

- Thu hồi triệt để công nợ tồn đọng với các khách hàng.

* Khối lượng thực hiện chủ yếu:

- Sản xuất và cung cấp vữa bê tông thương phẩm các loại: 60.000 m³.

- Cung cấp dịch vụ bơm bê tông và cho thuê xe máy phục vụ thi công theo nhu cầu.

2.2.6 Vận hành sản xuất vữa bê tông tại trạm trộn NM Nhiệt điện Thái Bình 2:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Đảm bảo hoạt động tổ chức quản lý và vận hành sản xuất vữa bê tông liên tục, đáp ứng yêu cầu tiến độ mà đối tác và chủ đầu tư dự án yêu cầu.

- Thu hồi vốn phát sinh với đối tác hợp tác sản xuất kinh doanh tại dự án.

* Khối lượng thi công chính:

- Vận hành sản xuất vữa bê tông thương phẩm các loại: 50.000 m³.

- Cung cấp các dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị phục vụ thi công theo nhu cầu.

2.2.7 Hợp tác khai thác, sản xuất, cung cấp đá xây dựng các loại tại mỏ đá Om Làng, Cao Dương, Lương Sơn, Hòa Bình:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Đàm phán, ký kết hợp đồng chính thức với đối tác chủ mỏ về mô hình hợp tác khai thác, sản xuất kinh doanh tại mỏ đá khi đủ các điều kiện để thực hiện.

- Xây dựng các công trình phụ trợ như: Tường chắn, móng máy trạm nghiền; Đường dây và trạm biến áp cấp điện sản xuất và sinh hoạt; Đường giao thông ra vào mỏ; Trạm cân, trạm gác bảo vệ,... để phục vụ dự án.

- Xây dựng các hạng mục lán trại nhà ở, điều hành sản xuất, nhà làm việc tại khu vực mỏ đá.

- Di chuyển, lắp đặt, chạy thử 02 dây truyền nghiền sàng với tổng công suất lắp đặt là 2 x 250 Tấn /h tại khu vực mỏ đá để phục vụ sản xuất.

- Quy hoạch mặt bằng mỏ, bóc tầng phủ mỏ, làm đường công vụ và triển khai tạo máng khai thác để triển khai dự án thực hiện theo kế hoạch.

- Tổ chức khoan nổ khai thác đá học và chế biến sản xuất các chủng loại đá xây dựng cung cấp cho thị trường.

* Khối lượng thực hiện chủ yếu:

- Thi công xây dựng các hạng mục phụ trợ trên diện tích khoảng: 4,0 ha mặt bằng mỏ.

- Di chuyển, lắp đặt 02 dây chuyền nghiền sàng với tổng trọng lượng khoảng: 400 Tấn thiết bị.

- Bóc tầng phủ, làm đường công vụ, tạo máng khai thác mỏ khoảng: 50.000 m³ đất đá các loại.

- Sản xuất và cung cấp đá xây dựng các loại: 70.000 m³.

2.2.8 Công trình thủy điện Nậm Thi 1 và 2:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Ổn định bộ máy hoạt động điều hành tổ chức thi công tại công trình đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện dự án.

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị và nhân lực hợp lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công công trình thủy điện Nậm Thi 1 và 2.

- Tổ chức triển khai thi công các hạng công trình được giao đảm bảo an toàn lao động, chất lượng, tiến độ công trình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

* Khối lượng thi công chính:

- Đào đất các loại : 232.790 m³

- Đào, phá đá các loại : 193.230 m³

- Đắp đất các loại : 41.730 m³

2.2.9 Hoạt động cung cấp xi măng tại Công trình thủy điện Bảo Lâm 3 và 3A:

* Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:

- Cân đối tài chính, dự trù nguồn vốn, đảm bảo cung cấp xi măng đáp ứng tiến độ thi công Công trình thủy điện Bảo Lâm 3 và 3A.

- Ký hợp đồng với đối tác có năng lực để triển khai thực hiện cung cấp vật tư xi măng của nhà máy xi măng Quang Sơn (Đồng Hỷ, Thái Nguyên) phục vụ thi công dự án.

- Tổ chức quản lý và giao nhận hàng hóa tại công trường với khách hàng, đối chiếu số lượng, xuất hóa đơn bán hàng cho đối tác.

* Khối lượng thực hiện chủ yếu:

- Cung cấp xi măng Quang Sơn: 22.125 Tấn.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,115% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

4. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm nay tại ngày 31/12/2015	1.087.294.460
a	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.087.294.460
	- Lợi nhuận chịu thuế suất phổ thông (22%)	
	- Lợi nhuận chịu thuế suất ưu đãi (10%)	1.087.294.460
b	Lợi nhuận chịu thuế TNDN tại Chi Nhánh	0
c	Lợi nhuận không chịu thuế TNDN	0
2	Bù lỗ năm trước	0
3	Lợi nhuận tính thuế TNDN (1-2)	1.087.294.460
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	56.937.919
a	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (22%)	
b	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất ưu đãi (10% $\times$ 50%)	56.937.919
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (1-4)	1.030.356.541
6	Lợi nhuận năm trước để lại	13.675.059.876
a	Lợi nhuận năm trước để lại	8.875.059.876
b	Cổ tức năm 2014 chưa thanh toán	4.800.000.000
7	Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	0
8	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay	0
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	0
b	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	0
c	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
d	Lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông	0
9	Lợi nhuận năm nay để lại	1.030.356.541
10	Lợi nhuận để lại đến 31/12 năm 2015 (6+9)	14.705.416.417
11	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	0%

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,095% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

6. Thông qua báo cáo chi trả thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2015 và đề xuất thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016.

6.1. Thông qua quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Công ty theo các mức như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 1.500.000 đồng/tháng

- Tổng số thù lao năm 2015 Công ty phải chi trả cho TV HĐQT, BKS và thư ký Công ty là: 222.000.000 đồng.
- Tổng số thù lao năm 2015 Công ty đã chi trả cho TV HĐQT, BKS và thư ký Công ty là: 11.400.000 đồng.
- Tổng số thù lao năm 2015 Công ty còn phải chi trả cho TV HĐQT, BKS và thư ký Công ty là: 210.600.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,095% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

6.2. Thông qua phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2016 như sau:

Đối với mức Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu từ 5% trở lên

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	5.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	3.000.000

Đối với mức Lợi nhuận trước thuế từ 2% đến dưới 5% trên doanh thu

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	2.000.000

Đối với mức Lợi nhuận trước thuế dưới 2% trên doanh thu:

TT	Chức danh	Thù lao không chuyên trách (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	4.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát	2.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty	1.500.000

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,115% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

7. Thông qua báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát năm 2015

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,112% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

8. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trả cổ tức năm 2014

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,98% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

9. Thông qua báo cáo về việc sửa đổi Điều lệ công ty

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,115% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

10. Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 99,115% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

11. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật doanh nghiệp, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 7.04, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Hùng do có đơn xin từ nhiệm

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Bầu ông Hoàng Nguyên Ngọc làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Nguyễn Văn Hùng

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

12. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Lê Văn Khánh

Căn cứ Luật doanh nghiệp, căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 7.04, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Lê Văn Khánh do có đơn xin từ nhiệm:

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết đồng ý thông qua đạt tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

13. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Ông Quát Văn Quang đã trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty với số phiếu bầu là 3.502.700 chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc công ty, những người có liên quan và cổ đông căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBCKNN (b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOạ ĐẠI HỘI



Nguyễn Hữu Doanh